TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày: 15/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiến.

2. Ông Phan Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thuý Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T** – sinh ngày 06 tháng 01 năm 1996; nơi sinh: Huyện An Biên – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Bình Thuận, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Dân và bà Huỳnh Thị Thuý; anh chị em ruột: 02 người, lớn nhất sinh năm 1996 (bị cáo), nhỏ nhất sinh năm 1999; vợ: Lê Thị Diễm Phúc, sinh năm 1998 (đã ly hôn); con 01 người, sinh năm 2016.

Tiền sự: Không. Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 06/3/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Cướp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án (được xoá án tích). Ngày 12/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù và buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 10.000.000 đồng, chịu án phí hình sự 200.000 đồng về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thực hiện việc bồi thường cho người bị hại (Chưa được xoá án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/5/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2/ Họ và tên: **Nguyễn Anh T1** (tên gọi khác: Giang) – sinh ngày 30 tháng 01 năm 2005; nơi sinh: Huyện H – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Ba Núi, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 Anh và Đỗ Thị Kiều Hoanh; anh chị em ruột: 02 người, lớn nhất sinh năm 2005 (bị cáo), nhỏ nhất sinh năm 2011; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

3/ Họ và tên: **Nguyễn Anh Q** – sinh ngày 24 tháng 9 năm 1998; nơi sinh: Thành phố H – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: số 110/3 Trần Hầu, khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Tùng và bà Nguyễn Thị Loan; anh chị em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002; vợ tên Trần Thị Thanh Ngân, sinh năm: 1997, con 01 người sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 21/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù, buộc bị cáo chịu án phí hình sự 200.000 đồng về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án (được xoá án tích). Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù, chịu án phí hình sự 200.000 đồng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án (được xoá án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

4/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh L** (tên gọi khác: Phèn) – sinh ngày 15 tháng 4 năm 1992; nơi sinh: Thành phố H – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ngà và bà Lê Thị Cúc; anh chị em ruột: 09 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1992 (bị cáo); vợ tên Châu Thị Cẩm Ly, sinh năm 2005, con 01 người sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 06/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 năm tù, buộc bị cáo chịu án phí hình sự 200.000 đồng, bồi thường cho người bị hại 15.000.000 đồng về tội "Giết người". Bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án (được xoá án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:* **Trương Văn P** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Kiên T, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 23/4/2023, Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Anh T1 đến thuê phòng tại nhà nghỉ Thanh Nhàn thuộc tổ 2, khu phố Kiên T, thị trấn K, huyện K, tỉnh

Kiên Giang. Vào khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng T1 đi mua bia về uống, trong lúc lên phòng nghỉ T P hiện xe mô tô biển kiểm soát số 68K1-150.87, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu cam của anh Trương Văn P đỗ trong khu vực nhà để xe của nhà nghỉ Thanh Nhàn, có gắn sẵn chìa khoá trên xe nên nảy xin ý định lấy cắp. Sau khi uống bia xong, T rủ T1 đi xuống phía trước nhà nghỉ đợi để đi công việc, khoảng 05 phút sau T lấy trộm xe mô tô trên điều khiển chở T1 đi thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Khi đến ấp Ngã Tư, xã Dương Hoà, huyện K thì T nói cho T1 biết xe mô tô này là xe trộm tại nhà nghỉ Thanh Nhàn định đem về H để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, nghe vậy T1 cũng đồng ý. Khi đến thành phố H, T mượn điện thoại của người đi đường (không rõ nhân thân) liên lạc với Nguyễn Anh Q nhờ Q tìm người bán xe, Q hẹn gặp T ở nghĩa trang thành phố H thuộc tổ 5, khu phố 2, phường P. Trong lúc xem T nói cho Q biết xe mô tô này do trộm cắp mà có, sau đó Q điện thoại cho Nguyễn Thanh L biết có xe ăn trộm còn mới, nghe vậy L chạy đến khu vực nghĩa trang để xem xe, thấy xe còn mới giá rẻ nên L đồng ý mua xe với giá 5.000.000 đồng, lúc này T hỏi ý kiến của T1 thì T1 cũng đồng ý bán. L chuyển khoản cho T 1.800.000 đồng, số tiền còn lại 3.200.000 đồng T kêu L chở T1 đi mua ma tuý. T cho Q 200.000 đồng tiền giới thiệu bán xe. Sau khi mua ma tuý xong T và T1 đi taxi về K. Đến ngày 26/4/2023, T1 đến Công an xã B, huyện K đầu thù.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68K1-150.87, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu cam, số máy HC12E7144787, số khung 1258FY144740, đã qua sử dụng.

* Theo Bản kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68K1-150.87, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu cam, số máy HC12E7144787, số khung 1258FY144740, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSKL ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Anh T1, Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản", truy tố bị cáo Nguyễn Anh Q, Nguyễn Thanh L "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T do có 01 tiền án chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Các bị cáo T1, Q, L, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Nguyễn

Anh T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản", tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Thanh L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hoàng T, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Anh T1, xử phạt bị cáo T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Anh Q, xử phạt bị cáo Q từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thanh L, xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

***Về xử lý vật chứng*:**

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K xác định tài sản của người bị hại thu giữ được không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên đã trao trả cho chủ sở hữu nên đề nghị ghi nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên miễn xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 23/4/2023, tại nhà nghỉ Thanh Nhàn thuộc tổ 2, khu phố Kiên T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Hoàng T đã có hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Trương Văn P, Nguyễn Anh T1 biết hành vi trộm cắp của T và đồng ý cùng T bán xe để chia nhau tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 10.000.000 đồng. Đối với Nguyễn Anh Q và Nguyễn

Thanh L biết rõ tài sản là xe mô tô do T và T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình tiêu thụ tài sản trên.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo T và T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có của các bị cáo Q và L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị báo T và T1 về tội "Trộm cắp tài sản" và các bị cáo Q và L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T có 01 tiền án chưa được xoá án tích nên khi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T, T1, Q, L đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, vì vậy cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan Công an đã trao trả tài sản cho bị hại.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Anh T1 và Nguyễn Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Các bị cáo Nguyễn Anh Q và Nguyễn Thanh L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/4/2023.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện K trao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp nên ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc T, T1, Q, L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho